

I. DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

1. Dân số thế giới.

- Dân số thế giới: 6.477 triệu người (2005) → (2011: 7 tỉ người)
- Quy mô dân số giữa các nước, các vùng lãnh thổ khác nhau.

2. Tình hình phát triển dân số trên thế giới.

- Tốc độ gia tăng dân số nhanh, quy mô dân số thế giới ngày càng lớn.
 - Thời gian dân số tăng thêm một tỉ người và thời gian dân số tăng gấp đôi ngày càng rút ngắn.
- Tốc độ gia tăng dân số nhanh, quy mô ngày càng lớn đặc biệt từ nửa sau thế kỉ XX do tỉ lệ tử vong giảm nhờ những thành tựu của y tế, chăm sóc sức khỏe,...

II. GIA TĂNG DÂN SỐ

1. Gia tăng tự nhiên.

a. Tỉ suất sinh thô.

- Là sự tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với tổng số dân trung bình cùng một thời điểm. (đơn vị: ‰ – phần nghìn).

$$\text{Tỉ suất sinh thô (‰)} = \frac{\text{Số trẻ em sinh ra trong năm}}{\text{Tổng số dân}} \times 1\,000$$

- Nguyên nhân: Do yếu tố tự nhiên - sinh học, phong tục tập quán - tâm lí xã hội, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, chính sách phát triển dân số.
- Tỉ suất sinh thay đổi theo không gian và thời gian.

b. Tỉ suất tử thô.

- Là tương quan giữa số người chết đi trong năm so với tổng số dân trung bình cùng một thời điểm. (đơn vị: ‰).

$$\text{Tỉ suất tử thô (‰)} = \frac{\text{Số người chết trong năm}}{\text{Tổng số dân}} \times 1\,000$$

- Nguyên nhân: Do đặc điểm kinh tế - xã hội, chiến tranh, thiên tai,...
- Tỉ suất tử thô ngày càng giảm trên toàn thế giới.

c. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.

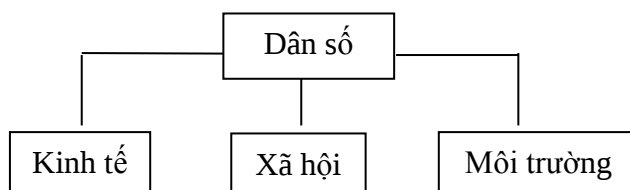
- Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô → được coi là động lực phát triển dân số. (đơn vị: ‰)

$$\text{Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (‰)} = \frac{\text{Tỉ suất sinh (‰)} - \text{Tỉ suất tử (‰)}}{10}$$

- Tỉ suất gia tăng tự nhiên có sự khác nhau ở các nước trên thế giới

d. Hậu quả của gia tăng dân số.

- Gây sức ép lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.
- Sơ đồ:



2. Gia tăng cơ học:

- Là sự chênh lệch giữa xuất cư và nhập cư.
- Gia tăng cơ học không ảnh hưởng gì đến dân số thế giới.
- Nguyên nhân: + Lực hút: đất đai màu mỡ, dễ kiếm việc làm.
+ Lực đẩy: điều kiện sống khó khăn, thu nhập thấp.

3. Gia tăng dân số.

Tỉ suất gia tăng dân số được xác định bằng tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học. (đơn vị: %)/.

Bài 23:

CƠ CẤU DÂN SỐ

I. CƠ CẤU SINH HỌC.

1. Cơ cấu dân số theo giới.

- Biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.(đơn vị: %)

$$T_{NN}(\%) = \frac{D_{nam}}{D_{nữ}} \times 100$$

Trong đó:

T_{NN} : Tỉ số giới tính.

D_{nam} : Dân số nam.

$D_{nữ}$: Dân số nữ.

Hoặc:

$$T_{nam}(\%) = \frac{D_{nam}}{D_{tb}} \times 100$$

Trong đó:

T_{nam} : Tỉ lệ nam giới .

D_{nam} : Dân số nam.

D_{tb} : Tổng số dân.

- Có sự biến động theo thời gian và có sự khác nhau giữa các nước, các khu vực. Ở nước phát triển nữ nhiều hơn nam và ngược lại ở nước đang phát triển nam nhiều hơn nữ.
- Nguyên nhân: Trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tai nạn, tuổi thọ trung bình, chuyển cư.
- Ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

2. Cơ cấu dân số theo tuổi.

- Là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.
- Ý nghĩa: Quan trọng vì thể hiện tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển của dân số, nguồn lao động của một nước.
- Có ba nhóm tuổi trên thế giới: + Nhóm dưới tuổi lao động: 0 - 14 tuổi.
+ Nhóm tuổi lao động: 15 - 59 (hoặc đến 64) tuổi.
+ Nhóm trên tuổi lao động: Trên 60 (hoặc 65) tuổi.
- Sự phân chia cơ cấu dân số già hay trẻ tùy thuộc vào tỉ lệ của từng nhóm tuổi trong cơ cấu dân số. Các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ, các nước phát triển có cơ cấu dân số già.
- Tháp dân số là biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính.
+ Có 3 kiểu tháp tuổi cơ bản: mở rộng, thu hẹp, ổn định.
+ Tháp dân số cho biết những đặc trưng cơ bản về dân số như: Cơ cấu tuổi, giới, tỉ suất sinh, tử, gia tăng dân số, tuổi thọ trung bình.

II. CƠ CẤU XÃ HỘI.

1. Cơ cấu dân số theo lao động.

a. Nguồn lao động.

- Bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động.
- Chia thành 2 nhóm: + Nhóm dân số hoạt động kinh tế.
+ Nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

b. Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

- Phân chia nền kinh tế theo 3 khu vực: + Khu vực I: Nông – lâm - ngư nghiệp.
+ Khu vực II: Công nghiệp - xây dựng
+ Khu vực III: Dịch vụ
- Phản ánh trình độ phát triển KT-XH, có sự khác nhau giữa các nước, nhóm nước:
 - + Các nước đang phát triển tỉ lệ lao động ở khu vực I cao nhất.
 - + Các nước phát triển tỉ lệ lao động chủ yếu phân bố khu vực III

2. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

- Phản ánh trình độ văn hóa, dân trí và học vấn của dân cư → tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của một quốc gia.
- Xác định cơ cấu dân số theo trình độ VH người ta dùng 2 tiêu chí: tỉ lệ biết chữ, số năm tới trường./.